

**THÔNG BÁO KẾT LUẬN THANH TRA**  
**Chuyên đề công tác quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo**

Thực hiện chương trình kế hoạch thanh tra được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành Quyết định số 658/QĐ-TTTP ngày 18/9/2019 về việc thanh tra chuyên đề công tác quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo và đã ban hành Kết luận thanh tra số 955/KL-TTTP ngày 14/9/2022. Kết luận thanh tra đã được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo và giao cho các đơn vị thực hiện (*Văn bản số 4136/VPCP-V.I ngày 18/11/2022 của Văn phòng Chính phủ*).

Căn cứ Điều 39 Luật Thanh tra năm 2010, Điều 46 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ, Thanh tra Chính phủ thông báo Kết luận thanh tra như sau:

**A. NỘI DUNG THANH TRA**

Thanh tra chuyên đề công tác quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2018, gồm các nội dung:

- Tại Bộ Giáo dục và Đào tạo (*Bộ GDĐT*): Về sách giáo khoa (việc quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa, thẩm định, duyệt, xuất bản, in và phát hành sách giáo khoa); Việc quản lý, triển khai, thực hiện một số dự án đầu tư cho giáo dục, đào tạo.

- Tại 05 Bộ (*Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông*) và 12 tỉnh (*Lào Cai, Yên Bái, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Gia Lai, Kon Tum, Bình Định, Tiền Giang, Long An, Đồng Tháp, Kiên Giang, Cà Mau*): Về đội ngũ nhà giáo; Về hệ thống các cơ sở đào tạo; Về bồi dưỡng nhà giáo; Về biên chế sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo; Về thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục.

**B. KẾT QUẢ THANH TRA**

**I. KHÁI QUÁT CHUNG**

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã quan tâm, ban hành nhiều chủ trương, chính sách phát triển giáo dục đào tạo, giúp ngành giáo dục từng bước vượt qua khó khăn, phát triển toàn diện về quy mô, mạng lưới trường lớp, chất lượng; cơ sở vật chất được tăng cường theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa; đội ngũ giáo viên phát triển về số lượng và chất lượng.

Giai đoạn năm 2014 -2018, công tác quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo về: Sách giáo khoa, quản lý, triển khai, thực hiện một số dự án đầu tư cho giáo dục, đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đội ngũ nhà giáo, hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, biên chế sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo, thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của 05 Bộ, 12 tỉnh nói riêng đã được quan tâm thực hiện:

- Sách giáo khoa (SGK) biên soạn theo Nghị quyết số 40/2000/NQ-QH10 ngày 09/12/2000 của Quốc hội được in, phát hành từ năm 2002 cơ bản đảm bảo cung ứng đầy đủ, đồng bộ kịp thời tới mọi vùng miền trong cả nước; nội dung SGK ổn định; xuất bản, tái bản theo quy định của Luật Xuất bản. Thời điểm thanh tra, đối với SGK biên soạn theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, SGK giáo dục phổ thông đã được Bộ GDĐT thẩm định và phê duyệt SGK lớp 1 (có 46 cuốn SGK lớp 1 của 05 bộ SGK).

- Công tác lập, thẩm định, trình phê duyệt dự án đầu tư các dự án phù hợp với định hướng phát triển giáo dục đào tạo, cơ bản đáp ứng trình tự lập, phê duyệt dự án đầu tư; công tác lựa chọn các nhà thầu xây dựng, cung cấp thiết bị đã được thực hiện theo trình tự quy định của Luật Đấu thầu và các quy định liên quan; việc thi công xây dựng công trình, mua sắm trang thiết bị, thanh toán, quyết toán theo trình tự quy định của pháp luật và hợp đồng đã ký kết.

- Công tác QLNN về đội ngũ nhà giáo, bồi dưỡng nhà giáo, biên chế sự nghiệp thuộc lĩnh vực GDĐT, thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục được các Bộ, UBND các tỉnh chú trọng thực hiện; tích cực chỉ đạo rà soát, điều chỉnh mạng lưới trường, lớp học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, gắn với việc sắp xếp cơ cấu lại đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, phù hợp với đặc thù từng tỉnh. UBND các tỉnh đã triển khai thực hiện kịp thời và đầy đủ các quy định về công tác quản lý, sử dụng, tuyển dụng và thực hiện các chế độ chính sách đối với viên chức ngành giáo dục.

## **II. HẠN CHẾ, THIẾU SÓT, VI PHẠM**

### **1. Tại Bộ Giáo dục và Đào tạo**

#### ***1.1. Công tác quản lý nhà nước về sách giáo khoa***

*a) Sách giáo khoa biên soạn theo Nghị quyết số 40/2000/QH10 của Quốc hội*

- Không cung cấp được Bản thảo mẫu SGK được Bộ trưởng Bộ GDĐT phê duyệt để làm cơ sở đối chiếu SGK hiện hành với Bản thảo mẫu SGK đã được phê duyệt, vi phạm Khoản 2 Điều 10 Luật Thanh tra năm 2010, Khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh về lưu trữ quốc gia năm 2001, Điểm a Khoản 1 Điều 11 Luật Lưu trữ năm 2011, thể hiện việc buông lỏng trong công tác lưu trữ.

- Khi biên soạn SGK đã thiết kế một số bảng số liệu để trống nên học sinh có thể viết vào SGK (73/193 cuốn). Bộ GDĐT mới ban hành được 03 văn bản trong đó có nội dung hướng dẫn các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo viên hướng dẫn học sinh sử dụng SGK, nhắc nhở học sinh có ý thức giữ gìn, không được viết, vẽ vào sách, nhưng chưa ban hành được cơ chế, chính sách quy định về sử dụng lại SGK, việc sử dụng lại SGK mới đạt khoảng 35% (Bộ GDĐT thống kê trong *Chỉ thị số 3798/CT-BGDĐT ngày 24/9/2018*).

Từ năm 2014 đến hết tháng 8/2019, 73/193 cuốn SGK học sinh có thể viết vào SGK đã được in, phát hành và bán được tổng số 303.058.000 bản. Trường hợp tính 65% SGK có các trang sách học sinh có thể viết vào không dùng lại được, gây lãng phí cho gia đình học sinh và xã hội thì giá trị lãng phí (*tạm tính*) là 2.374.205,8 triệu đồng.

- Ban hành Văn bản số 2372/BGDĐT-GDTrH ngày 11/4/2013 về việc sử dụng sách, tài liệu tham khảo trong trường phổ thông, có nội dung hướng dẫn: Sách bài tập (SBT) do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (NXB) tổ chức biên soạn

dựa theo SGK, được Bộ GDĐT thẩm định, cho phép xuất bản, in và phát hành. Thực tế, việc tổ chức biên soạn, biên tập, xuất bản, in ấn và tổng phát hành các loại SBT, sách tham khảo thuộc chức năng, nhiệm vụ của NXB (là đơn vị thống lĩnh thị trường, độc quyền tổ chức biên soạn, biên tập, xuất bản, in và phát hành SBT). Việc nêu SBT được Bộ GDĐT thẩm định, cho phép xuất bản, in và phát hành tại Văn bản số 2372/BGDĐT-GDTrH là không đúng chức năng, nhiệm vụ của Bộ GDĐT. Mặc dù Bộ GDĐT ban hành Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 quy định về quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên nhưng chưa kịp thời ban hành văn bản về việc dừng sử dụng Văn bản số 2372/BGDĐT-GDTrH nêu trên. Do đó gây nhầm lẫn cho học sinh, phụ huynh học sinh và xã hội hiểu rằng SBT được NXB xuất bản cũng là tài liệu bắt buộc phải mua kèm theo SGK, dẫn đến thực tiễn hầu hết gia đình học sinh khi mua SGK đều mua SBT kèm theo do NXB phát hành, có dấu hiệu “lợi ích nhóm” giữa Bộ GDĐT là cơ quan quản lý nhà nước với NXB trong việc in ấn, phát hành SBT.

- Quá trình điều chỉnh tăng giá sách lần 3, Bộ GDĐT chưa có giải pháp kiểm soát chặt chẽ để yêu cầu NXB phải thực hiện đầy đủ chỉ đạo của Bộ tại Văn bản số 793/BGDĐT-KHTC ngày 06/3/2019, Văn bản số 1451/BGDĐT-KHTC ngày 08/4/2019, nhưng NXB đã điều chỉnh tăng giá bán SGK 16,9%.

- Chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trong biên soạn, xuất bản bộ SGK chuẩn làm căn cứ xây dựng phương án giá SGK cho các Nhà xuất bản thực hiện khi kê khai theo quy định; phê duyệt, giao kế hoạch sản xuất kinh doanh SGK hằng năm cho NXB đều chậm; chưa thực hiện trách nhiệm tổ chức giám sát NXB theo quy định tại Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013, Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ.

*b) Sách giáo khoa biên soạn theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội*

Bộ GDĐT đã thực hiện được một số công việc, tuy nhiên phần lớn các nội dung thực hiện đều chậm, không đảm bảo tiến độ theo lộ trình tại Quyết định 404/QĐ-TTg ngày 27/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ; chậm thực hiện tổ chức biên soạn SGK theo yêu cầu của Quốc hội, của Thủ tướng Chính phủ <sup>(1)</sup>.

**1.2. Công tác quản lý, triển khai một số DADT cho giáo dục, đào tạo**

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư thiếu nội dung mục tiêu đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.

- Chậm ban hành văn bản quy định về thời gian thẩm định chủ trương đầu tư; chậm ban hành văn bản quy định về lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và quản lý chương trình, dự án đầu tư công theo quy định; chậm ban hành Quyết định thay thế quy trình thẩm định và phê duyệt các nội dung trong đấu thầu.

- Phê duyệt 12 dự án đầu tư mới với tổng số vốn 1.465.373 triệu đồng cho 9 đơn vị chậm nộp quyết toán dự án hoàn thành từ 24 tháng trở lên thuộc trường hợp

<sup>(1)</sup> Điểm g Khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội; điểm d Khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 122/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội; điểm d Khoản 4 Điều 1 Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015, điểm b mục 1 Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018, ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 3060/VPCP-KGVX ngày 16/4/2019, Văn bản số 4353/VPCP-KGVX ngày 21/5/2019, Văn bản số 1045/VPCP-KGVX ngày 12/02/2020.

không được giao dự án đầu tư mới, trái quy định tại mục 5 Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Giao vốn lần đầu chậm từ 4 đến 6 năm đối 07 dự án kể từ thời điểm phê duyệt dự án lần đầu; phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ Dự án chưa đảm bảo phù hợp với mục tiêu đầu tư.

- Phê duyệt kết quả thi tuyển phương án kiến trúc công trình trong khi Dự án không thuộc quy định phải thi tuyển kiến trúc theo quy định; phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu chưa chính xác dẫn đến giá gói thầu tăng không đúng.

- Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu có gói thầu với hình thức chỉ định thầu vượt hạn mức chỉ định thầu quy định; có gói thầu Báo cáo đánh giá tác động môi trường không có trong danh mục quy định.

- Nhiều dự án chưa được phê duyệt quyết toán hoàn thành trong thời gian dài; thời gian phê duyệt quyết toán chậm theo quy định; chưa hoàn thành trách nhiệm, chưa đạt mục tiêu của công tác quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

## **2. Tại một số đơn vị trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo**

### **2.1. Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (về SGK)**

*a) Sách giáo khoa biên soạn theo Nghị quyết số 40/2000/QH10 của Quốc hội*

Đối với SGK biên soạn theo Nghị quyết số 40/2000/QH10 của Quốc hội, Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (NXB) là đơn vị duy nhất được tổ chức biên tập, thiết kế, chế bản, xuất bản, in và phát hành.

- Không cung cấp được Bản thảo mẫu SGK được Bộ GDĐT phê duyệt để làm cơ sở thực hiện đối chiếu SGK hiện hành với Bản thảo mẫu SGK đã được phê duyệt, vi phạm Khoản 2 Điều 10 Luật Thanh tra năm 2010, Khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh về lưu trữ quốc gia năm 2001, Điểm a Khoản 1 Điều 11 Luật Lưu trữ năm 2011, thể hiện việc buông lỏng trong công tác lưu trữ.

- Quá trình biên tập, thiết kế sách giáo khoa, NXB chưa tham mưu cho Bộ GDĐT điều chỉnh thiết kế, biên tập SGK để hạn chế việc học sinh viết vào SGK.

- *Việc lựa chọn nhà thầu cung cấp giấy in để sản xuất SGK theo phương thức chào hàng cạnh tranh:*

- + Việc xác định nhu cầu sản xuất của NXB không sát thực tế nên lượng hàng tồn kho lớn (chủ yếu là giấy in), làm tăng chi phí lãi vay, dự phòng giảm giá hàng tồn kho dẫn đến giảm hiệu quả sử dụng vốn.

- + Từ trước ngày 22/8/2017, NXB chưa ban hành quy định về lựa chọn nhà thầu in SGK, cung cấp vật tư, giấy in... để áp dụng thống nhất trong doanh nghiệp bảo đảm mục tiêu công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Luật Đấu thầu.

- + NXB chưa bổ sung đăng ký kinh doanh nhập khẩu giấy in hoặc tổ chức thực hiện việc ủy thác nhập khẩu giấy in để giảm bớt chi phí trung gian, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành SGK.

- + NXB sử dụng giấy in định lượng thấp<sup>(2)</sup>, thấp hơn định lượng giấy in sách thường theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8694:2011.

<sup>(2)</sup> Giấy in ruột SGK 1 màu định lượng 48 g/m<sup>2</sup> và một phần giấy in ruột SGK từ 2 màu trở lên định lượng 56 g/m<sup>2</sup>, 60 g/m<sup>2</sup>; các loại giấy in này chiếm 36,64% tổng số giấy in ruột SGK.

+ Từ trước năm 2014 và trong giai đoạn từ 2014 đến 2019, NXB chỉ thu thập báo giá của một số ít nhà thầu cung cấp giấy in, chỉ có 2 đến 3 đơn vị được NXB lựa chọn cung cấp giấy in SGK trong một năm, lặp đi lặp lại trong nhiều năm. Trong giai đoạn 2014-2019, Công ty cổ phần giấy Phùng Vĩnh Hưng được lựa chọn cung cấp chiếm 83,1% số lượng giấy của NXB (tương ứng 1.890.879 triệu đồng). Kiểm tra xác xuất một số hợp đồng cung cấp giấy in của Công ty cổ phần giấy Phùng Vĩnh Hưng cho NXB (1/3 tổng lượng giấy in đã cung cấp, tương ứng 528.377 triệu đồng) cho thấy giá giấy in Công ty bán cho NXB cao bình quân gấp khoảng 1,7 lần giá giấy Công ty nhập khẩu trực tiếp (tương ứng số tiền chênh lệch khoảng 210.665 triệu đồng).

Những nội dung nêu trên cho thấy việc lựa chọn nhà thầu cung cấp giấy in để sản xuất SGK theo phương thức chào hàng cạnh tranh của NXB có nhiều điểm bất thường, chưa bảo đảm công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

- Về xác định giá trần các gói thầu in SGK bằng hình thức đấu thầu:

+ NXB bán 03 loại giấy in có mức thuế suất thuế GTGT đầu vào là 5% cho các nhà thầu trúng thầu in SGK. Tuy nhiên khi xây dựng giá trần của gói thầu in, NXB tính chung vào với mức thuế của dịch vụ in SGK có thuế suất thuế GTGT là 10%, làm giá trần gói thầu tăng thêm 5% thuế GTGT của 03 loại giấy dẫn đến gia đình học sinh phải mua SGK bằng giá NXB đã đăng ký từ năm 2011 cao hơn giá SGK phải đăng ký đúng giá với số tiền 14.861,9 triệu đồng.

+ Số tiền lãi vay đưa vào giá trần của các gói thầu in sách được NXB tính thuế GTGT đối với chi phí lãi vay là chưa phù hợp quy định tại Thông tư số 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính, đã làm giá trần các gói thầu tăng, dẫn đến gia đình học sinh phải mua SGK bằng giá NXB đã đăng ký từ năm 2011 cao hơn giá SGK phải đăng ký đúng giá với số tiền 325,2 triệu đồng.

+ NXB không thực hiện thu thập báo giá trang in thành phẩm của các nhà in để xác định đơn giá từng trang in theo giá thị trường làm cơ sở xây dựng giá trần của gói thầu in sách mà tự xây dựng định mức công in, trong khi cơ sở để xây dựng định mức công in là không chính xác do căn cứ vào văn bản đã hết hiệu lực; tổ chức đấu thầu in SGK chia thành nhiều gói thầu nhỏ chưa đảm bảo phù hợp với Luật Đấu thầu, làm giảm hiệu quả của công tác đấu thầu in SGK.

- Về in SGK bằng hình thức giao in gia công, in trọn gói: NXB giao in gia công cho các nhà in là công ty con của NXB chưa tiết kiệm được chi phí in, dẫn đến tăng chi phí sản xuất SGK; định mức công in của NXB còn quy định đơn giá công in đối với một số nội dung công việc không hợp lý.

- Về chi phí phát hành SGK (chiết khấu): Việc phát hành SGK qua các kênh phát hành<sup>(3)</sup> đến tay người tiêu dùng qua nhiều bước trung gian nên chưa tiết kiệm được chi phí; tỷ lệ chiết khấu của SGK (25%) so với một số mặt hàng độc quyền, thiết yếu khác phải kê khai giá thì tỷ lệ chiết khấu của SGK còn cao, chưa hợp lý; các Tổng công ty sách-TBGD miền (là công ty con của NXB, trong quan hệ thương mại là đối tác mua hàng của NXB) tham gia thực hiện một số nội dung

<sup>(3)</sup> 4 Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền (Bắc, Trung, Nam, Cửu Long) là đại lý cấp 1 của NXB (được hưởng 5%); các công ty sách và thiết bị trường học địa phương trong khu vực (là đại lý cấp 2, được hưởng từ 7% ÷ 8%); Các đại lý, cửa hàng sách, các trường học (là đại lý cấp 3, được hưởng từ 12% ÷ 13%). Tổng chiết khấu (chi phí phát hành) là 25% giá bìa, được trừ thẳng trên hoá đơn bán hàng của các NXBGD miền cho đại lý cấp 1.

công việc trong quy trình phát hành SGK thuộc nhiệm vụ của NXBGD miễn để được hưởng tỷ lệ chiết khấu 5% giá bìa là chưa hợp lý.

- Về phân bổ chi phí lãi vay, chi phí quản lý doanh nghiệp vào giá thành SGK:

+ Trước năm 2014 và từ năm 2014 đến nay, NXB chưa thực hiện xây dựng tiêu chí cụ thể để phân bổ cho từng mảng hoạt động mà chỉ lựa chọn và thực hiện tiêu thức phân bổ các chi phí chung vào giá thành SGK dựa trên tiêu thức tỷ lệ doanh thu; phân bổ chi phí chung không đúng tỷ lệ doanh thu của SGK trên tổng doanh thu, làm tăng chi phí chung được phân bổ cho SGK cao hơn so với số liệu thực tế số tiền 69.980,4 triệu đồng, dẫn đến gia đình học sinh phải mua SGK bằng giá NXB đã đăng ký từ năm 2011 cao hơn giá SGK phải đăng ký đúng giá với số tiền 69.980,4 triệu đồng.

+ Lựa chọn và thực hiện tiêu thức phân bổ chi phí chung theo tỷ lệ doanh thu chưa đảm bảo phù hợp, chưa hợp lý làm tăng chi phí sản xuất SGK; chưa tối ưu hóa với đặc điểm hoạt động, yêu cầu quản lý của NXB và chưa đáp ứng được yêu cầu, giải pháp giảm giá thành SGK.

- NXB chưa thực hiện đầy đủ yêu cầu của Bộ GDĐT nhưng đã thực hiện tăng giá SGK 16,9% từ năm học 2019-2020; xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm, thực hiện thoái vốn, tái cơ cấu chậm theo quy định của Bộ GDĐT; thực hiện tăng vốn tại một số công ty chưa đúng theo Đề án tái cơ cấu được Bộ GDĐT phê duyệt.

Kết quả kiểm tra, xác minh tại NXB cho thấy: Giai đoạn 2014-2018, quá trình xây dựng giá gói thầu in SGK, hạch toán của NXB có sai sót dẫn đến gia đình học sinh (là khách hàng) phải mua SGK bằng giá NXB đã đăng ký giá từ năm 2011 (được ấn định trên bìa SGK) cao hơn giá SGK phải đăng ký đúng giá với số tiền khoảng 85.167,5 triệu đồng; việc lựa chọn nhà thầu cung cấp giấy in, nhà thầu in, phát hành, kinh doanh SGK còn một số thiếu sót, vi phạm dẫn đến giá SGK đã được NXB đăng ký từ năm 2011 cao bất hợp lý; NXB chưa thực hiện rà soát cơ cấu chi phí và giá thành, định mức, kế hoạch sản xuất kinh doanh, tỷ lệ chiết khấu của SGK cao, chưa thực hiện tiết kiệm chi phí nhằm giảm giá thành SGK, chưa thực hiện tái cấu trúc và nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp... Trong khi NXB là doanh nghiệp thống lĩnh thị trường, doanh nghiệp độc quyền biên tập, thiết kế, chế bản, xuất bản, in, phát hành, kinh doanh SGK đối với SGK được biên soạn theo Nghị quyết số 40/2000/QH10, gia đình học sinh phải mua SGK theo giá ấn định trên bìa sách. Như vậy, NXB có hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền bị cấm theo quy định của Luật Cạnh tranh; xây dựng mức giá để đăng ký giá sai so với hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định (giá SGK được NXB đăng ký giá từ năm 2011), có dấu hiệu vi phạm quy định trong lĩnh vực giá, quy định về đăng ký giá SGK.

Do thời kỳ thanh tra từ 2014-2018, trong khi đó SGK được NXB thực hiện đăng ký giá từ năm 2011 nên chưa xác định được cụ thể, chính xác số tiền gia đình học sinh đã mua SGK cao hơn giá SGK mà NXB phải đăng ký đúng giá từ năm 2011 đến nay. Theo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ (tại Thông báo số 01/TB-VPCP ngày 14/01/2022 của Văn phòng Chính phủ) đã giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, đưa vào kế hoạch thanh tra, kiểm tra về các yếu tố hình thành giá SGK.

b) Về SGK theo Nghị quyết số 88/2014/QH13

Thời điểm thanh tra, NXB đã thực hiện kê khai giá 04 bộ SGK lớp 1 mới với Bộ Tài chính. Giá các bộ SGK lớp 1 mới của năm học 2020 - 2021 do NXB xuất bản bình quân gấp 2 đến 2,5 lần so với giá bộ SGK lớp 1 của năm học 2019-2020.

**2.2. Tại 09 đơn vị trực thuộc Bộ GDĐT (về quản lý, triển khai, thực hiện một số DADT cho giáo dục, đào tạo)**

Quá trình quản lý, triển khai, thực hiện dự án của 09 đơn vị trực thuộc Bộ GDĐT (gồm: Ban Quản lý các dự án Bộ GDĐT (Ban QLCTDA), Đại học Thái Nguyên, Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Tây Nguyên, Trường Đại học Nha Trang, Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM, Trường Đại học Kiên Giang) còn một số hạn chế, thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm: Về lập, trình phê duyệt chủ trương, trình phê duyệt dự án đầu tư; Về lập, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt thiết kế và dự toán (đơn vị tư vấn lập thiết kế và dự toán năng lực còn hạn chế, hồ sơ thiết kế còn thiếu sót; khảo sát, đánh giá hiện trạng còn sơ sài không phản ánh đúng thực tế; xác định chi phí tư vấn không đúng quy định; xác định khối lượng chưa chính xác, tính khối lượng một số công việc không có cơ sở; áp dụng đơn giá không đúng quy định, không phù hợp với công việc, áp dụng một số mã hiệu đơn giá, định mức không đúng quy định làm tăng tổng dự toán; xác định không đúng định mức tỉ lệ chi phí chung, chi phí hạng mục chung làm tăng giá gói thầu không đúng quy định; giám sát tác giả còn nhiều thiếu sót dẫn đến việc nghiệm khối lượng hoàn thành không đúng thực tế; chỉ định vật liệu trong dự toán thiết kế không đúng quy định... Đơn vị thẩm tra thiết kế không phát hiện được những nội dung nêu trên của đơn vị tư vấn thiết kế; chưa thực hiện thẩm tra, thẩm định dự toán xây dựng công trình điều chỉnh theo quy định; quyết định phê duyệt thay đổi thiết kế bổ sung công việc trần thạch cao sau khi đơn vị thi công đã hoàn thành công tác trát dầm, trần trong nhà gây lãng phí nguồn vốn đầu tư (Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM: 2.053,797 triệu đồng; Trường Đại học Nha Trang: 613,793 triệu đồng)); Về đấu thầu lựa chọn nhà thầu (phê duyệt dự toán gói thầu nhưng chưa thực hiện thẩm định; phê duyệt HSMT có một số công việc trong Hạng mục chung không trùng các mục công việc quy định, một số công việc trong Hạng mục chung trong HSMT không có trong Dự toán gói thầu được duyệt; lập, trình phê duyệt Kế hoạch LCNT có gói thầu Báo cáo đánh giá tác động môi trường không đúng quy định; có gói thầu thiết kế áp dụng không đúng loại, cấp công trình làm tăng chi phí thiết kế (Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM: 399,874 triệu đồng); trình phê duyệt thi tuyển phương án kiến trúc công trình không thuộc quy định phải thi tuyển kiến trúc, trình hình thức lựa chọn nhà thầu là chỉ định thầu vượt hạn mức quy định...); Về thực hiện gói thầu cung cấp thiết bị (Một số gói thầu cung cấp thiết bị chậm tiến độ bị xử phạt; điều chỉnh xuất xứ, ký hiệu, mã hiệu và hãng sản xuất của một số thiết bị so với hợp đồng nhưng chưa thực hiện ký phụ lục hợp đồng theo quy định tại Khoản 3 Điều 63 Luật Đấu thầu; đơn vị thụ hưởng dự án chưa thực hiện khai báo các thiết bị bức xạ theo quy định; có hợp đồng mua sắm thiết bị không thể hiện xuất xứ thiết bị, hãng thiết bị, không đúng theo quy định về việc ký hợp đồng; một số thiết bị không ghi model hoặc model không chính xác như HSMT; có một số thiết bị từ khi nhận bàn giao đến nay chưa được sử dụng...); Về thực hiện gói thầu xây lắp.

Do việc lập định mức dự toán, đơn giá vật liệu chưa chính xác của đơn vị lập dự toán thiết kế, khối lượng nghiệm thu cao hơn thực tế thi công dẫn đến phải giảm trừ giá trị dự toán, thanh toán, quyết toán, thu hồi số tiền 9.213,981 triệu đồng.

**3. Tại 05 Bộ, 12 tỉnh** (*Về đội ngũ nhà giáo, biên chế sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo, thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục*)

Qua thanh tra, kiểm tra, xác minh trực tiếp tại 05 Bộ, 12 tỉnh và kiểm tra, xác minh một số trường đại học thuộc 05 Bộ, một số huyện, thị xã, thành phố, Sở GDĐT, Sở Nội vụ, trường đại học, cao đẳng thuộc tỉnh còn có hạn chế, thiếu sót, khuyết điểm sau:

### **3.1. Việc ban hành chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về giáo dục, đào tạo**

- Bộ TTTT chưa ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW; chưa phê duyệt Chiến lược phát triển Học viện CNBCVT theo quy định; ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện CNBCVT chưa phù hợp với thẩm quyền quy định.

- Bộ Tài chính chưa phê duyệt Chiến lược phát triển cho 02 trường đại học (Học viện Tài chính; Đại học Tài chính - Kế toán).

- Bộ NN&PTNN còn để xảy ra việc tuyển sinh vượt chỉ tiêu tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trường Đại học Thủy lợi.

### **3.2. Về quản lý về đội ngũ nhà giáo, bồi dưỡng nhà giáo**

#### **a) Về thực hiện chế độ, chính sách đối với nhà giáo, giảng viên**

- Tại Học viện CNBCVT thuộc Bộ TTTT: Do còn một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị quyết 77/NQ-CP của Chính phủ đã làm ảnh hưởng lớn đến hoạt động và thu nhập của công chức, giảng viên và người lao động toàn Học viện (*như: Chưa được NSNN hỗ trợ thuế TNDN các năm 2017, 2018, 2019 với số tiền 15.124,032 triệu đồng; Bộ TTTT điều chuyển tài sản là Dự án xây dựng TTCNC về CNTT và Truyền thông từ Viện Chiến lược Thông tin và Truyền thông về Học viện dẫn đến Học viện phải trích khấu hao tài sản và hạch toán vào chi phí SXKD với số tiền mỗi năm tương đương 2,5 tháng lương thực tế và 1,6 tháng lương cơ bản của CBCNV Học viện*).

- Về chế độ đối với giáo viên dạy học sinh khuyết tật của tỉnh Yên Bái từ năm 2016 đến 2018 (số tiền 16.978,77 triệu đồng) chưa được cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn tỉnh thực hiện.

#### **b) Về công tác quy hoạch CBQL**

Phê duyệt quy hoạch chức danh Trưởng phòng, Phó trưởng phòng của Học viện CNBCVT chưa phù hợp với thẩm quyền quy định (*Bộ TTTT*); không phê duyệt quy hoạch cán bộ quản lý các trường học trực thuộc giai đoạn 2016-2018 (*UBND thành phố Móng Cái*); quy hoạch các chức danh cán bộ quản lý khoa, phòng chưa đảm bảo phương châm “động” và “mở”; chưa đủ số lượng quy hoạch cho một chức danh cụ thể (*Trường Cao đẳng nghề Kiên Giang; UBND TP Cà Mau, UBND các huyện Ngọc Hiển, U Minh của tỉnh Cà Mau*); không thực hiện công tác quy hoạch chức danh trưởng, phó khoa, phòng thuộc trường giai đoạn 2014 - 2016 (*Trường Cao đẳng Y tế Cà Mau, Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc Cà Mau*).



*c) Về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chuyển đổi vị trí công tác*

- Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại của một số đơn vị còn có một số thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm như: Bổ nhiệm lần đầu quá tuổi bổ nhiệm, bổ nhiệm nhưng còn thiếu điều kiện, tiêu chuẩn của chức danh theo quy định, bổ nhiệm không có trong quy hoạch (*Gia Lai: 114 trường hợp; Kon Tum: 28 trường hợp; Bình Định: 63 trường hợp; Long An: 113 trường hợp; Tiền Giang: 250 trường hợp; Đồng Tháp: 200 trường hợp; Kiên Giang: 134 trường hợp; Cà Mau: 69 trường hợp*); bổ nhiệm 14 trường hợp là lãnh đạo Sở GDĐT nhưng chưa đáp ứng Quy định về tiêu chuẩn chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc Sở GDĐT do Bộ GDĐT quy định (*Long An: 02 trường hợp; Tiền Giang: 03 trường hợp; Đồng Tháp: 04 trường hợp; Kiên Giang: 01 trường hợp; Cà Mau: 04 trường hợp*).

Riêng Sở GDĐT tỉnh Tiền Giang, trong giai đoạn 2014-2018 đã được nhiều cơ quan tiến hành thanh tra, kiểm tra trách nhiệm trong việc thực hiện các quy định của pháp luật trong thực thi nhiệm vụ, phát hiện nhiều thiếu sót, khuyết điểm và vi phạm quy định của pháp luật liên quan đến công tác cán bộ (bổ nhiệm cán bộ, tuyển dụng viên chức, khen thưởng, đánh giá cán bộ, tuyển dụng), đã có yêu cầu Sở GDĐT kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo. Tuy nhiên, chưa được Sở GDĐT tiếp thu nghiêm túc, chậm thực hiện, thực hiện không đầy đủ các kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra dẫn đến công tác bổ nhiệm, tuyển dụng vẫn lặp lại vi phạm.

- Việc điều chuyển, tiếp nhận viên chức chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu về vị trí việc làm; một số trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu bổ sung đội ngũ, đảm bảo cân đối về cơ cấu bộ môn; điều chuyển giáo viên bộ môn mà các cơ sở giáo dục không có nhu cầu bổ sung hoặc đang dồi dư; nhiều bộ môn cơ sở giáo dục đề xuất bổ sung nhưng không được bố trí, sắp xếp (*Sở GDĐT, UBND các huyện Cai Lậy, Gò Công Đông, Gò Công Tây thuộc tỉnh Tiền Giang; riêng Sở GDĐT điều chuyển 39 trường hợp không đúng quy định*).

- Việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác chưa triệt để, vẫn còn nhiều viên chức thuộc các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT và UBND các huyện chưa được thực hiện chuyển đổi theo quy định (*Long An: 176 vị trí; Sở GDĐT tỉnh Đồng Tháp: 91 vị trí; Sở GDĐT tỉnh Kiên Giang: 94 vị trí; Sở GDĐT tỉnh Cà Mau: 33 vị trí*).

*d) Về bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp:*

- Việc triển khai thực hiện thăng hạng CDNN giáo viên của UBND các tỉnh Yên Bái, Bắc Ninh, Gia Lai, Kon Tum chậm, đến cuối năm 2019 mới triển khai, phê duyệt Đề án, chưa đảm bảo quyền lợi chính đáng của viên chức giáo dục.

- Một số tỉnh như Lào Cai, Yên Bái còn có nhiều giáo viên có trình độ đào tạo đại học và cao đẳng đang hưởng lương hạng IV, III đủ thời gian để thăng hạng III, II nhưng chưa được bồi dưỡng chứng chỉ hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn (chủ yếu là chứng chỉ tin học, ngoại ngữ) để đủ tiêu chuẩn được thi hoặc xét thăng hạng CDNN.

**3.2. Về biên chế sự nghiệp (số lượng người làm việc)**

*a) Về giao số lượng người làm việc*

- Bộ NN&PTNT không có quyết định giao biên chế, các cơ sở giáo dục đại học năm 2015, 2017; phê duyệt số lượng người làm việc năm 2016, 2018 cho Học viện NNVN chưa phù hợp quy định theo Quyết định số 873/QĐ-TTg ngày

17/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ; số lượng người làm việc thực tế của Trường Đại học Thủy lợi giai đoạn 2014-2018 cao hơn số lượng biên chế được Bộ giao từ 330 đến 420 người.

- Biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo 12 tỉnh được giao thấp hơn hoặc bằng định mức quy định; việc giao biên chế hàng năm triển khai còn chậm, biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo được giao thường chậm hơn thời điểm vào năm học một thời gian (thường là trễ 01 học kỳ) dẫn đến các đơn vị hành chính cấp dưới không chủ động được số lượng biên chế được giao để phân bổ cho các cơ sở giáo dục.

- Không có văn bản giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2015 theo quy định (*tỉnh Yên Bái*); không có văn bản thông báo hay quyết định giao số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập cho các đơn vị năm 2017 (*tỉnh Bắc Ninh*).

#### b) Về bảo đảm đủ số lượng người làm việc

- Số lượng người làm việc thực tế trong ngành GDĐT của nhiều tỉnh trong từng năm học đều thiếu, đến thời điểm thanh tra năm 2019 còn thiếu nhiều giáo viên so với định mức quy định, thiếu so với chỉ tiêu được UBND tỉnh giao, gây khó khăn cho việc phân công giáo viên giảng dạy, làm ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng dạy và học của tỉnh<sup>(4)</sup>. Do thiếu giáo viên, một số tỉnh phải thực hiện hợp đồng khoán công việc hoặc hợp đồng lao động với giáo viên để giảng dạy<sup>(5)</sup>.

#### c) Về tuyển dụng viên chức

- Một số đơn vị được kiểm tra, xác minh thuộc các tỉnh: Long An<sup>(6)</sup>, Tiền Giang<sup>(7)</sup>, Đồng Tháp<sup>(8)</sup>, Kiên Giang<sup>(9)</sup>, Cà Mau<sup>(10)</sup> còn một số hạn chế, thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm về thủ tục, trình tự triển khai tuyển dụng viên chức, không đúng theo quy định của Bộ Nội vụ và quy định của địa phương như: Không thành lập ban kiểm tra, sát hạch, ban phúc khảo; không thực hiện giám sát tuyển dụng; cử cán bộ giám sát kỳ tuyển dụng không đúng thẩm quyền; quy trình xét tuyển đặc cách chưa đúng quy định, tổ chức xét tuyển đặc cách trong thời gian ngắn chưa minh bạch; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập chưa thẩm tra văn bằng, chứng chỉ đối với người trúng tuyển trước khi ký hợp đồng làm việc theo quy định...

- Tuyển dụng viên chức do Hội đồng tuyển dụng của tỉnh thực hiện chưa phù hợp với thẩm quyền quy định (*Lào Cai trước năm 2016, Bắc Ninh, Quảng Ninh*).

<sup>(4)</sup> Lào Cai thiếu 3.599 giáo viên; Yên Bái thiếu 2.070 giáo viên; Bắc Ninh thiếu 3.101 giáo viên; Quảng Ninh thiếu 754 giáo viên; Gia Lai thiếu 3.864 giáo viên; Kon Tum thiếu 1.488 giáo viên; Bình Định thiếu 2.864 giáo viên; Long An thiếu 333 giáo viên; Kiên Giang thiếu 639 giáo viên; Cà Mau thiếu 770 giáo viên.

<sup>(5)</sup> Tỉnh Lào Cai cho phép hợp đồng bổ sung giáo viên năm học 2018-2019 theo cơ cấu giáo viên còn thiếu và trong tổng số lượng người làm việc của cơ quan, đơn vị đã được UBND tỉnh giao (thời hạn hợp đồng giáo viên từ tháng 9/2018 đến hết ngày 31/5/2019); Tỉnh Bắc Ninh thực hiện Hợp đồng khoán công việc (3.687 giáo viên, 3.134 nhân viên nấu ăn); Tỉnh Quảng Ninh (giai đoạn 2016-2018) giao chỉ tiêu 4.302 HĐLĐ; Tỉnh Gia Lai có 743 HĐLĐ; Tỉnh Kon Tum có 1.488 HĐLĐ; Tỉnh Bình Định có 1.410 HĐLĐ.

<sup>(6)</sup> UBND huyện: Tân An, Đức Hòa, Thủ Thừa, Cần Đước.

<sup>(7)</sup> Sở GDĐT, UBND huyện: Cai Lậy, Gò Công Đông, Gò Công Tây.

<sup>(8)</sup> Sở GDĐT, Trường Cao đẳng Cộng đồng, UBND thành phố Cao Lãnh, UBND huyện: Tháp Mười, Lai Vung.

<sup>(9)</sup> Sở GDĐT, Trường Cao đẳng nghề, Trường Cao đẳng Kiên Giang, UBND thành phố Rạch Giá, UBND huyện: Phú Quốc, U Minh Thượng.

<sup>(10)</sup> Sở GDĐT, Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hà Quốc Cà Mau, Trường Cao đẳng Y tế, UBND thành phố Cà Mau, UBND huyện: Ngọc Hiển, U Minh.

- Một số huyện tuyển nhân viên kế toán, y tế theo chế độ HĐLĐ<sup>(11)</sup>, thực hiện chưa nghiêm túc chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 2378/VPCP-KGVX ngày 08/4/2015 của Văn phòng Chính phủ.

### **3.3. Về thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục**

- Việc thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của 05 Bộ và 12 tỉnh còn một số hạn chế, thiếu sót, khuyết điểm như: Chưa thực hiện việc kiểm tra riêng nội dung công khai theo chuyên đề đối với các cơ sở trực thuộc, việc kiểm tra được thực hiện lồng ghép nội dung với các đợt, đoàn thanh tra kiểm tra tại các đơn vị; các trường thuộc Bộ chưa thực hiện công khai đầy đủ thông tin theo biểu mẫu, việc thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai hàng năm được lồng ghép trong báo cáo tổng kết năm học, công khai tài chính còn chậm, mỗi năm công khai một lần.

- Việc thực hiện công khai tại các đơn vị được kiểm tra xác minh của 12 tỉnh còn một số hạn chế, thiếu sót, khuyết điểm như: Công tác tổng hợp, báo cáo theo quy định chưa được chú trọng; chưa thực hiện việc tổng kết, đánh giá về công khai; công tác thanh, kiểm tra về công khai chưa thường xuyên, chủ yếu được thực hiện lồng ghép với các nội dung thanh, kiểm tra khác nên dẫn đến hiện tượng chung tại các cơ sở giáo dục là: Việc công khai còn chưa đầy đủ về nội dung và hình thức số liệu công khai chưa chính xác; việc công khai còn chưa đảm bảo về thời gian theo quy định.

## **C. KIẾN NGHỊ, XỬ LÝ**

### **I. CHẢN CHỈNH CÔNG TÁC QUẢN LÝ**

Tổng Thanh tra Chính phủ kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo:

#### **1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản giáo dục Việt Nam (NXB), 09 đơn vị trực thuộc Bộ**

##### **1.1. Bộ Giáo dục và Đào tạo**

###### **a) Công tác QLNN về SGK**

- Chỉ đạo, yêu cầu Hội đồng quốc gia thẩm định SGK khi thẩm định SGK thực hiện nghiêm túc nội dung “*không tạo cơ hội cho học sinh viết, vẽ vào SGK*” và đề “*SGK được sử dụng lâu dài*” nhằm khắc phục, hạn chế tối đa việc học sinh viết, vẽ vào SGK. Trước khi phê duyệt thông qua nội dung SGK, yêu cầu các tổ chức, cá nhân biên soạn SGK phải thực hiện triệt để các ý kiến góp ý của Hội đồng quốc gia thẩm định SGK mới đồng ý cho phát hành.

Nghiên cứu, ban hành ngay cơ chế, chính sách quy định về sử dụng lại SGK để hạn chế tối đa lãng phí cho gia đình học sinh và xã hội.

- Căn cứ Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư số 42/2020/TT-BTTTT ngày 31/12/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ GDĐT ban hành, quy định áp dụng cụ thể định mức đối với hoạt động xuất bản đối với SGK, nhưng không vượt quá định mức ban hành tại Thông tư 42/2020/TT-BTTTT để làm căn cứ xây dựng phương án giá SGK cho các Nhà xuất bản thực hiện khi kê khai bảo đảm giá SGK phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, thu nhập của người dân.

- Nghiên cứu, ban hành Chỉ thị chấn chỉnh việc lựa chọn tài liệu tham khảo của cơ sở giáo dục phổ thông.

<sup>(11)</sup> Huyện Chư Sê (tỉnh Gia Lai): 64 người (HĐLĐ làm kế toán); Huyện Ngọc Hồi (tỉnh Kon Tum): 74 người (HĐLĐ làm kế toán); Huyện Tây Sơn (tỉnh Bình Định): 50 người (HĐLĐ trên 01 năm làm chuyên môn về y tế), Huyện Hoài Nhơn: 176 người (y tế 116 người, kế toán 60 người).

- Thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo các Sở GDĐT, Phòng GDĐT thanh tra, kiểm tra làm rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục phổ thông trong việc lựa chọn tài liệu tham khảo, yêu cầu cơ sở giáo dục phổ thông cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin về tài liệu tham khảo sử dụng tại trường để học sinh, phụ huynh biết, lựa chọn.

- Tổ chức thanh tra chuyên đề diện rộng, đồng thời thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo các sở GDĐT, phòng GDĐT thanh tra, kiểm tra việc lựa chọn tài liệu tham khảo của cơ sở giáo dục phổ thông trên phạm vi cả nước.

- Chủ động, nghiêm túc triển khai thực hiện tổ chức biên soạn SGK theo quy định tại Điểm d Khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 122/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội.

- Phối hợp với Bộ Tài chính trình các cơ quan có thẩm quyền để bổ sung sách giáo khoa vào danh mục hàng hóa do Nhà nước định giá để quản lý theo quy định của pháp luật.

- Nghiêm túc thực hiện trách nhiệm tổ chức giám sát NXB theo quy định tại Điều 12 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ.

- Chỉ đạo NXB thực hiện đúng, nghiêm túc các nội dung kiến nghị nêu tại Kết luận thanh tra.

*b) Công tác quản lý, triển khai, thực hiện một số DADT cho giáo dục, đào tạo*

- Chân chính công tác phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, phê duyệt dự án, phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, giá gói thầu, đảm bảo chính xác, đầy đủ nội dung theo đúng quy định của pháp luật.

- Kịp thời ban hành văn bản theo thẩm quyền, trách nhiệm liên quan đến công tác quản lý, triển khai thực hiện dự án đầu tư cho giáo dục, đào tạo.

- Có giải pháp cụ thể để phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đảm bảo đúng thời gian quy định tại Điều 21 Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính.

- Thường xuyên, tăng cường công tác thanh tra dự án đầu tư cho giáo dục, đào tạo, đồng thời xử lý nghiêm các vi phạm, sai phạm phát hiện qua thanh tra (trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì chuyển cơ quan điều tra để xử lý).

- Ưu tiên phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đối với những dự án đã được Bộ GDĐT phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng chưa bố trí được vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, kịp thời bố trí nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 để khởi công thực hiện dự án đồng thời cần bảo đảm tỷ lệ vốn đối ứng theo chủ trương đầu tư đã phê duyệt trước đó.

- Đôn đốc, chỉ đạo các chủ đầu tư thực hiện đảm bảo đúng tiến độ dự án đã được phê duyệt, tăng hiệu quả đầu tư.

- Chỉ đạo 09 đơn vị trực thuộc Bộ thực hiện đúng, nghiêm túc các nội dung nêu tại Kết luận thanh tra.

*c) Công tác QLNN về đội ngũ nhà giáo, hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, biên chế sự nghiệp thuộc lĩnh vực GDĐT, thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục*

- Xây dựng kế hoạch, tăng cường mở các lớp bồi dưỡng chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc Sở GDĐT để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác bổ nhiệm của các

địa phương đối với 02 chức danh nêu trên (do Khoản 7 Điều 3 Thông tư số 13/2019/TT-BGDĐT ngày 30/8/2019 của Bộ GDĐT quy định tiêu chuẩn chung của Giám đốc, Phó Giám đốc Sở GDĐT phải có chứng chỉ bồi dưỡng 02 chức danh này).

- Sớm trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch hệ thống mạng lưới các trường sư phạm trên toàn quốc phù hợp với nhu cầu thực tế hiện nay, đảm bảo thuận lợi cho các địa phương trong quá trình xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời đảm bảo chất lượng đào tạo đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, tránh tình trạng thừa, thiếu cục bộ giáo viên các cấp học.

- Nghiên cứu ban hành thông tư mới hoặc sửa đổi thông tư hiện hành về định mức giáo viên/lớp để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới năm 2018.

- Chủ trì, phối hợp Bộ Nội vụ sớm sửa đổi hoặc thay thế các Thông tư quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên công lập các cấp học, phù hợp với quy định về trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục năm 2019.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ để ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện thống nhất giữa đánh giá, xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên với đánh giá xếp loại viên chức.

## **1.2. Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản giáo dục Việt Nam (NXB)**

- Biên soạn SGK mới theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 hạn chế tối đa dạng bài tập điền, viết (điền khuyết, lựa chọn đúng/sai, cặp đôi, ...); có giải pháp rõ ràng, triệt để hạn chế tối đa việc học sinh có thể viết vào sách. Tuân thủ và điều chỉnh SGK theo đúng ý kiến của Hội đồng Quốc gia thẩm định SGK.

- Xây dựng lộ trình (trong ngắn hạn) không thực hiện in SGK theo hình thức giao in gia công, chuyển sang hình thức đấu thầu rộng rãi (bao gồm cả giấy in SGK), tiết kiệm chi phí sản xuất SGK, chống độc quyền, thao túng giá đối với SGK.

Trong thời gian chưa chuyển sang hình thức đấu thầu rộng rãi (bao gồm cả giấy in SGK):

+ Thực hiện ngay việc lựa chọn nhà thầu cung cấp giấy in để sản xuất SGK theo hình thức đấu thầu rộng rãi; đồng thời thực hiện ngay bổ sung đăng ký kinh doanh nhập khẩu giấy in hoặc tổ chức thực hiện ngay việc ủy thác nhập khẩu giấy in để giảm bớt chi phí trung gian, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành SGK; chấn chỉnh công tác ký hợp đồng cung cấp giấy in chặt chẽ, đảm bảo đúng quy định.

+ Sử dụng giấy in đảm bảo đủ định lượng giấy in, độ trắng giấy in theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8694:2011; Điều chỉnh định mức công in của NXB về đơn giá công in đối với một số nội dung công để giảm giá SGK; Xác định nhu cầu sản xuất sát thực tế để giảm lượng hàng tồn kho (chủ yếu là giấy in), từ đó giảm chi phí lãi vay, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tăng hiệu quả sử dụng vốn.

+ Thực hiện thu thập báo giá trang in thành phẩm của các nhà in để xác định đơn giá từng trang in theo giá thị trường làm cơ sở xây dựng giá trần của gói thầu in SGK; loại trừ thuế GTGT đối với chi phí lãi vay trong giá trần của gói thầu in SGK; tính đúng mức thuế GTGT đầu vào đầu ra của một số loại giấy in theo đúng quy định, đảm bảo phù hợp với Luật Đấu thầu; Sử dụng giá trúng thầu thấp nhất của gói thầu tương tự làm cơ sở ban đầu để thương thảo trước khi ký hợp đồng đối với việc giao in trọn gói.

- Nghiên cứu, phân tích, tính toán đồng thời làm việc với các đối tác để xác định, thống nhất giảm tỷ lệ chiết khấu, ban hành văn bản về tỷ lệ, điều kiện hưởng

chiết khấu hàng năm để áp dụng giảm trừ giá bán khi ký kết hợp đồng mua bán SGK, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành SGK.

- Điều chỉnh giảm tỷ lệ hưởng chiết khấu (hiện nay là 5% giá bìa) của Tổng công ty sách-TBGD miền; Ban hành quyết định thay thế Quyết định số 415/QĐ-NXB ngày 27/4/2010 về quy trình và phân định công việc giữa NXBGD miền với các Tổng công ty sách-TBGD miền.

- Phân bổ chi phí chung đúng tỷ lệ doanh thu của SGK trên tổng doanh thu để giảm chi phí chung phân bổ cho SGK đúng thực tế, giảm giá thành SGK.

- Điều chỉnh việc phân bổ các chi phí chung vào giá thành SGK theo tiêu thức tỷ lệ doanh thu như hiện nay sang phân bổ các chi phí chung vào giá thành SGK theo tiêu thức tỷ lệ sử dụng vốn.

- Thực hiện rà soát cơ cấu chi phí và giá thành, định mức, kế hoạch sản xuất kinh doanh, thực hiện tiết kiệm chi phí, thực hiện tái cấu trúc và nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp... thực hiện đúng yêu cầu của Bộ GDĐT tại Văn bản số 566/BGDĐT-KHTC ngày 19/02/2019 và Văn bản số 1451/BGDĐT-KHTC ngày 08/4/2019. Từ đó, xác định lại và điều chỉnh giảm tỷ lệ tăng giá SGK cũ, giá SGK lớp 1 (mới) theo hướng tính đúng, tính đủ chi phí hợp lý và chống độc quyền, thao túng giá đối với SGK.

- Trình Bộ GDĐT phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh SGK hằng năm để Bộ phê duyệt đảm bảo thời gian quy định; Thực hiện ngay việc thoái vốn đầu tư theo đúng nội dung quy định tại Quyết định số 948/QĐ-BGDĐT ngày 11/4/2019 của Bộ GDĐT.

### ***1.3. Đối với 09 đơn vị trực thuộc Bộ GDĐT***

- Chân chỉnh công tác quản lý, triển khai thực hiện dự án đầu tư cho giáo dục, đào tạo về: Lập, trình phê duyệt chủ trương, trình phê duyệt dự án đầu tư; lập, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt thiết kế và dự toán; xác định giá gói thầu, trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu, đấu thầu thực hiện dự án; tổ chức thực hiện các gói thầu của dự án (quản lý khối lượng, đơn giá, tiến độ, hợp đồng thi công xây lắp, hợp đồng cung cấp thiết bị...) theo đúng quy định của pháp luật.

- Chủ đầu tư các dự án tổ chức rà soát lại hồ sơ các gói thầu chưa được kiểm tra, kiểm toán; căn cứ khối lượng thi công thực tế, kết quả thanh tra cụ thể đối với từng gói thầu, xác định lại giá trị công trình trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

- Chủ đầu tư các dự án có văn bản yêu cầu các đơn vị tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm tra thiết kế - dự toán, tư vấn đấu thầu, tư vấn giám sát, tư vấn quản lý dự án, đơn vị được ủy thác quản lý dự án kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể và cá nhân có liên quan đến thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm được nêu trong kết luận thanh tra và phải chịu trách nhiệm đền bù thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

- Ban QLCT của Bộ GDĐT yêu cầu bên mời thầu, đơn vị thi công lập đúng các danh mục các công việc của hạng mục chung, phê duyệt dự toán (nếu có) để thanh toán đúng mục công việc theo quy định<sup>(12)</sup>; thẩm định tính chính xác của dự toán phát sinh trước khi phê duyệt quyết toán<sup>(13)</sup>.

<sup>(12)</sup> Gói thầu Cải tạo, sửa chữa giảng đường Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

<sup>(13)</sup> Gói thầu Thi công xây dựng cải tạo nhà vệ sinh, nhà để xe, cầu thang bộ và lát nền tầng 1.

- Trường Đại học Đà Lạt, Trường Đại học Vinh (là đơn vị thụ hưởng dự án) thực hiện khai báo, xin cấp giấy phép tiến hành công việc của các thiết bị bức xạ theo đúng tại Thông tư số 08/2010/TT-BKHCHN ngày 05/9/2010 của Bộ KHCHN.

- Trường Đại học Sư phạm Hà Nội yêu cầu bên mời thầu, đơn vị thi công lập đúng các danh mục các công việc của hạng mục chung, phê duyệt dự toán (nếu có) để thanh toán đúng mục công việc theo quy định<sup>(14)</sup>.

- Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông - Đại học Thái Nguyên yêu cầu bên mời thầu, đơn vị thi công lập đúng các danh mục các công việc của hạng mục chung, phê duyệt dự toán (nếu có) để thanh toán đúng mục công việc theo quy định<sup>(15)</sup>.

- Đại học Đà Nẵng yêu cầu Liên danh Công ty Vinaconex 25 - Công ty TNHH Cơ điện lạnh Đại Thắng thực hiện thi công lại đối với một số công tác xây lắp đã thi công thiếu khối lượng không đúng thiết kế giá trị 104,805 triệu đồng<sup>(16)</sup>. Yêu cầu nhà thầu thi công có biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời việc sụt, lún tại vị trí 6-E Nhà luyện tập thể dục thể thao.

- Đại học Huế có biện pháp, tăng cường nguồn lực nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng của Dự án Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị, tránh lãng phí nguồn vốn Nhà nước đã đầu tư.

- Trường Đại học Nha Trang:

+ Sớm có biện pháp đưa Công trình Xây dựng hệ thống cấp nước sạch và hệ thống xử lý nước thải tại Trại thực nghiệm nuôi trồng thủy sản Cam Ranh vào hoạt động, đảm bảo mục tiêu đã đề ra, tránh lãng phí nguồn vốn Nhà nước đã đầu tư.

+ Phối hợp với Trường Đại học Kiên Giang hoàn thành các hạng mục, công trình còn dở dang, lập thủ tục, hồ sơ thanh quyết toán theo đúng quy định (San nền khu vực 1, Thư viện, Giảng đường chung, Đường giao thông thuộc Dự án đầu tư xây dựng Phân hiệu Kiên Giang - Trường Đại học Nha Trang là chủ đầu tư giai đoạn đầu khi chưa thành lập Trường Đại học Kiên Giang).

+ Thực hiện phạt hợp đồng đối với Công ty Vinaconex 15 theo quy định của hợp đồng (10% giá trị toàn bộ hợp đồng để bồi thường thiệt hại vì chậm đưa công trình vào sử dụng và tự nguyện chấm dứt hợp đồng); không thực hiện thanh toán số tiền 860,925 triệu đồng sửa chữa một số hạng mục bị hỏng trong thời gian bảo hành công trình cho Công ty Cổ phần xây dựng số 1 Sông Hồng (*Gói thầu thi công Hạng mục xây dựng Nhà đa năng*).

- Đại học Huế nâng cao hiệu quả sử dụng Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị để thực hiện đúng mục tiêu của Dự án, tránh lãng phí nguồn vốn Nhà nước đã đầu tư; lập phương án thành lập Trường Đại học Kỹ thuật thuộc Đại học Huế tại Quảng Trị theo mục tiêu Dự án đã được phê duyệt.

- Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế: Lập báo cáo dự án hoàn thành đối với công trình Nhà lớp học 4 tầng và cải tạo Nhà học Y1, Y2 gửi Chi cục

<sup>(14)</sup> Gói thầu hạng mục Phần móng công trình; Gói thầu hạng mục Phần thân công trình.

<sup>(15)</sup> Gói thầu Thi công Nhà làm việc thư viện thuộc Dự án ĐTXD Nhà làm việc thư viện Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông.

<sup>(16)</sup> Gói thầu Thi công xây dựng Nhà Điều hành trung tâm và thiết bị lắp kèm xây lắp thuộc Dự án Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum: Đá granit ốp bậc tam cấp, ram dốc Nhà Đa năng không đạt chiều dày; việc dán lưới thủy tinh chống nứt cho tường nhà thực hiện chưa đầy đủ yêu cầu thiết kế; chiều cao tường nhà xe không đạt chiều cao thiết kế.

Giám định xây dựng thuộc Sở Xây dựng Thừa Thiên Huế để kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình; khắc phục các tồn tại nêu tại Thông báo số 68/TB-CCGD ngày 22/2/2019 của Chi Cục giám định thuộc Sở Xây dựng Thừa Thiên Huế đối với công trình Nhà thí nghiệm thực hành 5 tầng. Sau khi khắc phục xong, lập biên bản nghiệm thu và nộp bổ sung hồ sơ về Chi Cục giám định để xem xét chấp thuận kết quả nghiệm thu của Chủ đầu tư.

## **2. Bộ Tài chính**

- Chủ trì phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thanh tra, kiểm tra các yếu tố hình thành giá SGK từ năm 2011 của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam về: Giá giấy in SGK, tỷ lệ chiết khấu, phân bổ chi phí chung, cơ cấu chi phí và giá thành, định mức kinh tế kỹ thuật đang áp dụng để xác định giá SGK... (trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì chuyển cơ quan điều tra để xử lý).

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trình các cơ quan có thẩm quyền để bổ sung sách giáo khoa vào danh mục hàng hóa do Nhà nước định giá để quản lý theo quy định của pháp luật.

## **3. Bộ Nội vụ**

- Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện thống nhất giữa đánh giá, xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên với đánh giá xếp loại viên chức.

- Bộ Nội vụ căn cứ chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 771/VPCP-TCCV ngày 01/4/2019 của Văn phòng Chính phủ thẩm định nhu cầu giáo viên cần bổ sung của từng địa phương thuộc tỉnh Quảng Ninh.

- Nghiên cứu Văn bản số 5454/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 02/12/2019 của Bộ GDĐT, báo cáo Thủ tướng Chính phủ bổ sung biên chế sự nghiệp GDĐT cho tỉnh Lào Cai, đặc biệt là đối với khối giáo dục mầm non.

## **4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:**

Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ GDĐT hướng dẫn UBND tỉnh Yên Bái về thực hiện chính sách, chi trả phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo trực tiếp giảng dạy người khuyết tật từ năm 2016 theo Văn bản số 3267/UBND-TC ngày 14/11/2019 của UBND tỉnh Yên Bái.

**5. Đối với 05 Bộ** (Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông):

- Yêu cầu các trường đại học trực thuộc: Thực hiện đúng quy định về tuyển dụng viên chức; thực hiện đảm bảo đúng, đầy đủ các quy định về công khai đối với các cơ sở giáo dục theo quy định Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT. Tuyển sinh không vượt chỉ tiêu đào tạo được phê duyệt, ban hành văn bản phê duyệt số lượng người làm việc cho các cơ sở giáo dục trực thuộc kịp thời theo đúng quy định (*Bộ NNPTNT*).

- Bộ TTTT ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ 8 BCHTW khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT; Hội đồng Học viện CNBCVT phê duyệt Chiến lược phát triển Học viện CNBCVT theo quy định.

+ Nghiên cứu, xem xét, sớm giải quyết các đề xuất, kiến nghị của Học viện CNBCVT theo đúng chức năng, thẩm quyền để Học viện thực hiện tốt chế độ,



chính sách, đảm bảo thu nhập chính đáng của công chức, giảng viên, người lao động toàn Học viện.

**6. Đối với UBND 12 tỉnh** (Lào Cai, Yên Bái, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Bình Định, Gia Lai, Kon Tum, Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, Cà Mau):

- Chấn chỉnh, yêu cầu các đơn vị thuộc, trực thuộc, UBND cấp huyện thực hiện đúng, kịp thời công tác quy hoạch CBQL trường học theo quy định đảm bảo phương châm “động” và “mở” (một người có thể được quy hoạch vào nhiều chức danh, quy hoạch không khép kín trong từng đơn vị cụ thể...).

- UBND tỉnh chỉ đạo một số đơn vị thuộc tỉnh được kiểm tra, xác minh để xây ra vi phạm trong công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại (bổ nhiệm lần đầu quá tuổi bổ quá tuổi bổ nhiệm; bổ nhiệm nhưng còn thiếu điều kiện, tiêu chuẩn của chức danh theo quy định của Bộ GDĐT, của tỉnh; bổ nhiệm không có trong quy hoạch...) kiểm tra, rà soát nếu còn trường hợp chưa bổ sung đầy đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì yêu cầu thu hồi quyết định bổ nhiệm.

- Chỉ đạo, yêu cầu các đơn vị thuộc tỉnh thực hiện triệt để việc chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, viên chức đủ điều kiện chuyển đổi theo các quy định của Chính phủ; chỉ đạo Sở GDĐT và Sở Nội vụ rà soát, có phương án giải quyết tình trạng thừa thiếu giáo viên cục bộ tại các cơ sở giáo dục, đào tạo trong toàn tỉnh.

- Chỉ đạo, yêu cầu Sở GDĐT, UBND cấp huyện thực hiện điều động, tiếp nhận viên chức là giáo viên, nhân viên giữa các cơ sở giáo dục đảm bảo đúng, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về vị trí việc làm đã được phê duyệt.

- Căn cứ tình hình thực tế của tỉnh, quyết định lựa chọn thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ngành GDĐT theo hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức để có thể giảm bớt thời gian tổ chức thăng hạng, tránh lãng phí không cần thiết.

- Chỉ đạo Sở GDĐT phối hợp với Sở Nội vụ phối hợp tổng hợp số giáo viên có trình độ đào tạo đại học và cao đẳng đang hưởng lương hạng IV, III đủ thời gian để thăng hạng III, II mà chưa được bồi dưỡng chứng chỉ hạng chức danh nghề nghiệp trong toàn ngành giáo dục. Từ đó UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo bồi dưỡng để số giáo viên nêu trên có đủ chứng chỉ theo quy định để được tham gia thi hoặc xét nâng hạng, bảo đảm quyền lợi chính đáng của viên chức ngành giáo dục; nâng cao tỷ lệ đạt chuẩn theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

- Nghiên cứu, tìm giải pháp tạm thời khắc phục tình trạng thiếu giáo viên của tỉnh.

- Nghiên cứu thống nhất quy định thời gian tuyển dụng viên chức ngành giáo dục để người trúng tuyển ký hợp đồng làm việc vào đầu năm học, ổn định kế hoạch giảng dạy; bổ sung cơ chế đối với các thí sinh đủ điểm đỗ, tuy nhiên hết chỉ tiêu ở Hội đồng huyện này được nộp nguyện vọng sang Hội đồng huyện khác nơi còn chỉ tiêu tuyển dụng ở cùng một vị trí việc làm sau khi có kết quả thi tuyển viên chức; thực hiện đúng thẩm quyền về tuyển dụng viên chức.

- Yêu cầu UBND các huyện (*UBND huyện Chư Sê thuộc tỉnh Gia Lai; UBND huyện Ngọc Hồi thuộc tỉnh Kon Tum; UBND huyện Tây Sơn, UBND huyện Hoài Nhơn thuộc tỉnh Bình Định*) chấm dứt việc tuyển thêm nhân viên hợp đồng lao động làm công tác y tế, tài chính kế toán tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ

thông công lập theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 2378/VPCP-KGVX ngày 08/4/2015 của Văn phòng Chính phủ.

- Chỉ đạo Sở GDĐT, UBND cấp huyện rà soát, tổng hợp, báo cáo khó khăn vướng mắc và có giải pháp, phương án thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp giáo dục trong việc thẩm tra, xác minh văn bằng, chứng chỉ trước khi ký hợp đồng làm việc đối với các trường hợp trúng tuyển viên chức theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 04/2015/TT-BNV ngày 31/8/2015 của Bộ Nội vụ.

- Chỉ đạo và yêu cầu Sở GDĐT, UBND cấp huyện, các Trường trực thuộc tỉnh chấn chỉnh việc thực hiện công khai trong các cơ sở giáo dục đảm bảo đúng, đầy đủ các quy định về công khai đối với các cơ sở giáo dục theo quy định Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT.

## II. XỬ LÝ VỀ KINH TẾ

### 1. Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam (NXB):

Do thời kỳ thanh tra từ 2014-2018, trong khi đó SGK được NXB thực hiện đăng ký giá từ năm 2011 nên chưa xác định được cụ thể, chính xác số tiền gia đình học sinh (là khách hàng) đã mua SGK cao hơn giá SGK mà NXB phải đăng ký đúng giá từ năm 2011 đến nay. Vì vậy, NXB nộp NSNN toàn bộ số tiền gia đình học sinh đã mua SGK cao hơn giá SGK mà NXB phải đăng ký đúng giá từ năm 2011 đến nay, ngay sau khi Bộ Tài chính ban hành kết luận thanh tra, kiểm tra các yếu tố hình thành giá sách giáo khoa từ năm 2011 (*trong đó có số tiền 85.167,5 triệu đồng trong thời kỳ thanh tra từ năm 2014 đến năm 2018, do NXB phân bổ chi phí chung chưa đúng tỷ lệ doanh thu của SGK, hạch toán không đúng thuế suất GTGT đầu vào của 03 loại giấy in, tính thuế GTGT đối với chi phí lãi vay chưa đúng quy định*).

### 2. Các đơn vị trực thuộc Bộ GDĐT

Giảm trừ tổng dự toán, thu hồi và giảm trừ giá trị thanh toán, quyết toán tổng số tiền 9.213,981 triệu đồng (*Ban QLCLDA: 553,928 triệu đồng; Đại học Thái Nguyên: 649,864 triệu đồng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội: 319,388 triệu đồng; Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM: 1.023,309 triệu đồng; Trường Đại học Tây Nguyên: 640,756 triệu đồng, trong đó giảm trừ giá trị dự toán 339,931 triệu đồng; Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng: 1.106,664 triệu đồng, trong đó giảm trừ dự toán 496,759 triệu đồng; Trường Đại học Kiên Giang: 4.569,269 triệu đồng; Trường Đại học Nha Trang: 112,463 triệu đồng; Đại học Huế, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế: 238,34 triệu đồng*).

## III. XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

### 1. Đối với Bộ GDĐT

Kiểm điểm trách nhiệm và có hình thức xử lý nghiêm trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với Bộ trưởng, Lãnh đạo Bộ được phân công phụ trách (*theo từng thời kỳ*); tổ chức kiểm điểm, xử lý nghiêm trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với: Đơn vị, Người đứng đầu, cấp phó của Người đứng đầu đơn vị thuộc Bộ (*theo từng thời kỳ*) có liên quan đến những thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm thuộc trách nhiệm của đơn vị đã nêu trong Kết luận thanh tra; chấn chỉnh công tác quản lý, có giải pháp khắc phục ngay những hạn chế, thiếu sót, khuyết

điểm đã được chỉ ra sau thanh tra.

**2. Đối với 05 Bộ** (Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông)

Rút kinh nghiệm, đồng thời chỉ đạo, yêu cầu các đơn vị trực thuộc kiểm điểm theo quy định của pháp luật đối với những hạn chế, thiếu sót, khuyết điểm có liên quan như đã nêu trong Kết luận thanh tra, chấn chỉnh công tác quản lý, có giải pháp khắc phục ngay những hạn chế, thiếu sót, khuyết điểm đã được chỉ ra sau thanh tra.

### **3. Đối với 12 tỉnh**

- UBND các tỉnh Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, Cà Mau: Chỉ đạo tổ chức kiểm điểm, xử lý nghiêm trách nhiệm theo quy định của pháp luật đối với các cá nhân, đơn vị có liên quan đến việc thực hiện quy trình tuyển dụng viên chức chưa đúng quy định.

Ngoài ra, UBND tỉnh Tiền Giang chỉ đạo cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, đánh giá lại kỳ xét tuyển đặc cách năm 2018 đối với 23 thí sinh của Sở GDĐT (Hội đồng Kiểm tra, sát hạch trường hợp xét tuyển đặc cách năm 2018 theo Quyết định số 642/QĐ-SGDĐT ngày 02/10/2018 của Sở GDĐT). Trường hợp phát hiện có tiêu cực, xử lý nghiêm trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Đối với UBND 12 tỉnh: Rút kinh nghiệm, đồng thời chỉ đạo, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, UBND huyện, thị xã trực thuộc kiểm điểm theo quy định của pháp luật đối với những hạn chế, thiếu sót, khuyết điểm có liên quan; chấn chỉnh công tác quản lý, có giải pháp khắc phục ngay những hạn chế, thiếu sót, khuyết điểm đã được chỉ ra sau thanh tra.

## **IV. CHUYỂN THÔNG TIN SANG BỘ CÔNG AN**

Thanh tra Chính phủ kiến nghị Thủ tướng Chính phủ cho chuyển thông tin 02 nội dung sang Bộ Công an để xem xét, xử lý theo quy định, cụ thể:

- Nội dung hướng dẫn sử dụng sách bài tập (SBT), sách tham khảo có dấu hiệu “lợi ích nhóm” giữa Bộ GDĐT là cơ quan quản lý nhà nước với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam trong việc in ấn, phát hành SBT.

- Nội dung lựa chọn nhà thầu cung cấp giấy in để sản xuất sách giáo khoa theo phương thức chào hàng cạnh tranh của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam có nhiều điểm bất thường, chưa bảo đảm công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

## **D. Ý KIẾN CHỈ ĐẠO CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Thủ tướng Chính phủ có ý kiến chỉ đạo và giao các cơ quan, tổ chức thực hiện kiến nghị của Thanh tra Chính phủ (tại Văn bản số 4136/VPCP-V.I ngày 18/11/2022 của Văn phòng Chính phủ), cụ thể:

- Thanh tra Chính phủ chịu trách nhiệm về kết luận và kiến nghị nêu tại Kết luận thanh tra số 955/KL-TTCTP ngày 14/9/2022, bảo đảm đúng quy định của pháp luật; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện Kết luận thanh tra; tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam; các đơn vị trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban Quản lý các dự án Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Thái Nguyên, Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Tây Nguyên, Trường Đại học

Nha Trang, Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kiên Giang; các Bộ: Tài chính, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban nhân dân các tỉnh: Lào Cai, Yên Bái, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Gia Lai, Kon Tum, Bình Định, Tiền Giang, Long An, Đồng Tháp, Kiên Giang, Cà Mau tổ chức thực hiện kiến nghị của Thanh tra Chính phủ tại Kết luận thanh tra số 955/KL-TTCP ngày 14/9/2022; có biện pháp chấn chỉnh, xử lý, khắc phục những tồn tại, vi phạm theo đúng quy định của pháp luật để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giáo dục.

Các cơ quan, tổ chức báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra gửi về Thanh tra Chính phủ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Về kiến nghị chuyển thông tin sang Bộ Công an: Thanh tra Chính phủ thực hiện theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Thanh tra Chính phủ thông báo Kết luận thanh tra số 955/KL-TTCP ngày 14/9/2022 về thanh tra chuyên đề công tác quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về Kết luận thanh tra./.

Nơi nhận: *sh*

- Tổng Thanh tra Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Tổng Thanh tra Chính phủ;
- Vụ GSTĐ&XLSST, Vụ KHTH;
- Trung tâm Thông tin (để đăng tải trên Cổng TTĐT của TTCP);
- Lưu: VT, Vụ III, Hồ sơ Đoàn thanh tra. **g**

**KT. TỔNG THANH TRA  
PHÓ TỔNG THANH TRA**



*Trần Ngọc Liêm*  
**Trần Ngọc Liêm**